

QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG BẠO LỰC VŨ TRANG Ở MIỀN NAM – CHỦ TRƯỞNG ĐÚNG ĐẮN CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LẦN THỨ 15 (1/1959)

Lê Thị Anh
Trường Đại học Hồng Đức

Tóm tắt: Sau tháng 7/1954 Mỹ nhảy vào miền Nam nước ta. Chủ trương của Đảng là đấu tranh bằng phương pháp hoà bình để thống nhất đất nước theo quy định của Hiệp định Giơnevơ. Đến tháng 1/1959 Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 đã quyết định cho phép nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng để đấu tranh chống Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đến nay vẫn có quan điểm cho rằng chủ trương của Hội nghị trung ương 15 là sai lầm. Bài viết này tác giả sẽ làm rõ tính đúng đắn của chủ trương sử dụng bạo lực cách mạng ở miền Nam của Hội nghị Trung ương lần thứ 15, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Từ khoá: Hội nghị Trung ương lần thứ 15, phương pháp bạo lực cách mạng.

THE JANUARY 1959 DECISION ON ARMED STRUGGLE IN SOUTH VIETNAM - REAFFIRMING THE CORRECT POLICY OF THE 15TH CENTRAL COMMITTEE CONFERENCE

Le Thi Anh
Hong Duc University

Abstract: Following the July 1954 Geneva Accords, the U.S. increased its intervention in South Vietnam. Initially, the Party's policy was to pursue peaceful struggle to achieve national reunification in line with the Accords. However, by January 1959, the 15th Central Committee Conference of the Party resolved to authorize the people of South Vietnam to employ armed revolutionary struggle against the U.S. and its puppet administration, with the goals of liberating the South and reunifying the nation. To this day, some perspectives still contend that this decision was erroneous. This article seeks to demonstrate the soundness of the revolutionary violence policy adopted by the 15th Central Committee Conference, thereby contributing to public understanding and reaffirming the confidence of all social strata in the Party's leadership.

Keywords: 15th Central Committee Conference; armed struggle; revolutionary violence.

Nhận bài: 17/08/2025

Phản biện: 17/09/2025

Duyệt đăng: 21/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta đã giành thắng lợi tròn nửa thế kỷ. Trong khoảng thời gian này, cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo đã đạt được những thành tựu to lớn, làm thay đổi vị thế của nước ta trên trường quốc tế, được nhân dân trong nước và đông đảo bạn bè thế giới đánh giá cao và ghi nhận. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những ý kiến, quan điểm đòi xét lại lịch sử, trong đó có ý kiến cho rằng: “Việc Đảng lãnh đạo nhân dân ta sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đuổi Mỹ khỏi miền Nam là sai lầm lớn. Chính chủ trương này của Đảng đã dẫn đến cuộc chiến tranh đau thương 21 năm không cần có. Nếu không đánh đuổi Mỹ đi thì có lẽ miền Nam bây giờ phát triển hơn cả Hàn Quốc”. Trong thực tế có không ít người vì thiếu kiến thức, thiếu hiểu biết nên đã tin theo những ý kiến này. Bởi vậy, làm rõ tính đúng đắn của chủ trương quyết định sử dụng bạo lực cách mạng ở miền Nam của Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959), từ đó góp phần phê phán, đấu tranh, loại bỏ những quan điểm sai lầm, đồng thời góp phần nâng cao nhận thức, niềm tin của nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ đối với sự lãnh đạo của Đảng là sức quan trọng và cần thiết.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng các phương pháp lịch sử và logic, phân tích, tổng hợp, so sánh, tổng kết thực tiễn đối chiếu với lý luận để làm sáng tỏ tính đúng đắn trong đường lối của Đảng ở Hội nghị trung ương lần thứ 15 (1/1959), đồng thời vạch rõ những sai lầm của quan điểm phủ nhận chủ trương sử dụng bạo lực cách mạng của Đảng ở Hội nghị này.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử dẫn tới chủ trương quyết định sử dụng bạo lực cách mạng ở miền Nam của Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959)

Một số người phủ nhận hoặc phê phán chủ trương sử dụng bạo lực cách mạng của Đảng tại Hội nghị trung ương lần thứ 15 (1/1959), nhưng không hiểu do họ vô tình hay hữu ý khi không đề cập đến một cách khách quan hoàn cảnh dẫn đến quyết định lịch sử này của Đảng. Để có cơ sở đánh giá chủ trương quyết định sử dụng bạo lực vũ trang ở miền Nam của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959) cần trở lại với bối cảnh lịch sử khi Đảng đề ra chủ trương này.

Đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đã hoàn toàn chuyển sang thế tiến công và liên tiếp giành được những thắng lợi quan trọng. Ta nắm vững thế chủ động trên chiến trường, đẩy Pháp vào thế bị động. Trong khi đó tại Pháp, cuộc chiến tranh ở Đông Dương với chi phí ngày càng lớn đã làm cho mâu thuẫn xã hội và bất ổn chính trị ở Pháp ngày càng gia tăng. Pháp ngày càng lệ thuộc Mỹ về kinh tế và chi phí chiến tranh. Trong bối cảnh đó tháng 1/1954, Hội nghị Tứ cường giữa các nước Anh, Mỹ, Pháp và Liên Xô họp tại Berlin (Đức) đã thỏa thuận sẽ triệu tập một hội nghị vào cuối tháng 4/1954 để giải quyết hai cuộc chiến tranh ở Đông Bắc Á (Triều Tiên) và Đông Nam Á (Đông Dương). Thực hiện thỏa thuận đó, ngày 26/4/1954 tại thành phố Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) hội nghị đã chính thức khai mạc (gọi tắt là hội nghị Gionevơ). Tham dự Hội nghị bao gồm đoàn đại biểu của các nước: Anh; Pháp; Liên Xô; Trung Quốc; Hoa Kỳ; Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; chính phủ Quốc gia Việt Nam; Lào và Campuchia. Đồng chủ tịch Hội nghị là Liên Xô và Anh. Tuy nhiên, từ ngày 26/4/1954 đến ngày 7/5/1954 Hội nghị chỉ bàn về vấn đề chiến tranh ở Triều Tiên mà không bàn đến cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Chỉ đến ngày 7/5/1954 tin thắng lợi của ta ở Điện Biên Phủ được gửi đến Hội nghị, thì sáng ngày 8/5/1954 vấn đề Đông Dương mới được các nước tham dự Hội nghị đưa lên bàn nghị sự và phái đoàn Việt Nam, Lào và Campuchia mới chính thức tham gia Hội nghị.

Trải qua 75 ngày làm việc với 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp hẹp, ngày 20/7/1954 các nước tham dự hội nghị Gionevơ đã chính thức ký kết Hiệp định đình chiến ở Đông Dương, ngày 21/7/1954 các nước ký Tuyên bố chung. Trong các văn bản của Hội nghị Giơ ne vơ có những cam kết hết sức quan trọng sau:

Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia đồng thời cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước Đông Dương.

Nước ngoài không được đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí vào các nước Đông Dương và không được đặt căn cứ quân sự tại các nước Đông Dương.

Riêng Việt Nam, Hiệp định Gionevơ quy định vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) được lấy làm giới tuyến quân sự tạm thời chia Việt Nam làm hai

vùng tập kết quân sự. Quân Pháp sẽ rút khỏi miền Bắc Việt Nam và Việt Minh sẽ rút khỏi miền Nam trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày ký Hiệp định. Sau 2 năm kể từ ngày ký hiệp định (7/1956) chính quyền hai miền Nam-Bắc sẽ tiến hành tổng tuyển cử dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế. Trong thời gian này người dân hai miền được tự do đi lại và họ có quyền lựa chọn ở miền Bắc hay miền Nam.

Như vậy, nếu như Hiệp định Gionevơ được các bên nghiêm túc thực thi thì chiến tranh đã kết thúc ở nước ta từ ngay sau ngày ký Hiệp định Gionevơ và nước ta cũng đã hoàn toàn độc lập, thống nhất vào tháng 7/1956 khi chính quyền hai miền Nam - Bắc tổ chức Hiệp thương, tổng tuyển cử đúng như quy định của Hiệp định Gionevơ. Tuy nhiên, thực tiễn lịch sử cho thấy, sau khi Hiệp định Gionevơ được ký kết, Đảng đã lãnh đạo Chính phủ, quân và dân ta nghiêm chỉnh chấp hành những quy định của Hiệp định. Lực lượng vũ trang của ta ở miền Nam được tập kết ra miền Bắc. Ở miền Nam, Đảng chủ trương lãnh đạo nhân dân đấu tranh hòa bình bằng hình thức chính trị, đòi các bên phải thi hành Hiệp định Gionevơ. Bằng chứng là từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 01/1959, không có văn kiện nào của Đảng thể hiện chủ trương sử dụng bạo lực vũ trang ở miền Nam. Cụ thể, ngày 06/9/1954 Bộ Chính trị đã ra chỉ thị xác định: “Nhiệm vụ chung của miền Nam là: củng cố hòa bình, đòi tự do dân chủ và cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà và hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn quốc” [2, tr.273-274]. Tháng 3/1955, Hội nghị Trung ương 7 khóa II (tháng 3/1955) xác định mục tiêu đấu tranh trước mắt của toàn dân là: “Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ” [3, tr.186].

Trong khi đó ở miền Nam, Mỹ nhảy vào miền Nam nước ta, chúng dựng lên và nuôi dưỡng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm và thông qua đó thực hiện phương thức thống trị thực dân kiểu mới, cai trị giầu mặt, trá hình. Dưới sự chỉ đạo của Mỹ chính quyền Ngô Đình Diệm đã cự tuyệt hiệp thương tổng tuyển cử, tìm mọi cách phá bỏ Hiệp định Gionevơ. Chúng đã điên cuồng đàn áp những cuộc đấu tranh chính trị đòi Tổng tuyển cử của nhân dân miền Nam, trắng trợn mở chiến dịch “tố Cộng, diệt Cộng” để truy tìm và tiêu diệt cộng sản. Đầu năm 1959, Diệm hô hào “Bắc tiến” và tuyên bố đặt “miền Nam trong tình trạng chiến tranh” để vừa thúc giục Mỹ tăng cường viện trợ, vừa thể hiện thông điệp “không có hòa bình và thống nhất thông qua Tổng tuyển cử”. Đỉnh điểm

là việc chính quyền Diệm ban hành “Đạo Luật 10-59” vào ngày 6/5/1959, cho phép thành lập các “Tòa án quân sự đặc biệt” để xét xử các “tội ác chiến tranh chống lại Việt Nam cộng hòa” mà thực chất là để hợp pháp hóa việc tiêu diệt cán bộ cách mạng ở miền Nam. Với sự cho phép của đạo luật này, chính quyền Ngô Đình Diệm đã điên cuồng lùng sục, bắt bớ, tra tấn, tử hình cán bộ cách mạng. Chúng đã lê máy chém đi khắp miền Nam “săn lùng” cộng sản, thực hiện khẩu hiệu tàn ác “Thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”. Chính sách đàn áp, trả thù của chính quyền Ngô Đình Diệm đã làm cho cách mạng miền Nam tổn thất hết sức nặng nề. Từ năm 1954 đến năm 1959, đã có 466.000 người cộng sản và người yêu nước bị bắt, 400.000 người bị tù đày và có 68.000 người bị giết hại. Tội ác tày trời của chúng không chỉ làm cho nhân dân miền Nam, nhân dân cả nước căm phẫn mà làm cho cả nhân dân tiến bộ trên thế giới căm phẫn.

Mặc dù chính quyền Diệm rất hung hãn và trắng trợn vi phạm Hiệp định Giơnevơ nhưng Đảng và Chính phủ ta vẫn hết sức kiềm chế. Trong thời gian này, Đảng vừa lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh bằng phương pháp hoà bình vừa có những hành động thể hiện mong muốn nối lại các quan hệ ngoại giao để cùng nhau giải quyết các vấn đề chung của cả hai bên nhằm giữ vững hoà bình. Lần đầu tiên là vào tháng 6-1955, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố sẵn sàng mở hội nghị hiệp thương với chính quyền Sài Gòn nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm đã không trả lời. Đến tháng 7-1956, sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm đã tổ chức bầu cử riêng ở miền Nam, vi phạm trắng trợn Hiệp Định Giơnevơ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đề nghị hai nước đồng chủ tịch Hội nghị Giơnevơ là Liên Xô và Anh tổ chức một hội nghị mới nhằm yêu cầu các nước phải nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của Hiệp định Giơnevơ. Nhưng đề nghị này của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng không được các nước chấp thuận. Liên tiếp vào tháng 6 và tháng 7 năm 1957, tháng 3 và tháng 12 năm 1958, tháng 7 năm 1959 và tháng 7 năm 1960 Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã kiên trì đưa ra yêu cầu đàm phán với chính quyền Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, tất cả các yêu cầu đàm phán của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều bị chính quyền Ngô Đình Diệm từ chối.

Trong khi đó do không thể tiếp tục chịu đựng thêm những tội ác man rợ của chính quyền Ngô

Đình Diệm, nhân dân nhiều nơi ở miền Nam đã viết tâm thư gửi Xứ ủy Nam Kỳ, Bắc Hồ và Trung ương Đảng khẩn thiết xin được đánh Mỹ - Diệm. Trước yêu cầu, kiến nghị khẩn thiết phải thay đổi hình thức đấu tranh của các tổ chức Đảng và của cán bộ, đồng bào, chiến sĩ Miền Nam, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập một tổ nghiên cứu với nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất chủ trương, hình thức và phương pháp đấu tranh mới phù hợp với tình hình thực tiễn của cách mạng Miền Nam lúc này để đưa phong trào cách mạng Miền Nam vượt ra khỏi tình thế khó khăn, hiểm nghèo.

2.2.2. Chủ trương sử dụng bạo lực cách mạng ở miền Nam của Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959)

Từ nghiên cứu thực tiễn phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, qua quan sát, phân tích và hiểu rõ nguyện vọng của quần chúng, đến đầu năm 1959, Trung ương Đảng đã nhận thấy cần phải có sự thay đổi về đường lối, phương pháp đấu tranh cho cách mạng miền Nam. Tháng 1/1959 tại Hà Nội, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 15 (khóa II) để đề ra Nghị quyết cho cách mạng miền Nam.

Phân tích tình hình thực tiễn ở miền Nam lúc này, Hội nghị đã chỉ rõ, chính quyền ở miền Nam do Ngô Đình Diệm đứng đầu là một chính quyền phản bội lợi ích dân tộc, phản động, bạo tàn, độc tài, hiếu chiến, là chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ. Chính sách cai trị, nô dịch và gây chiến của đế quốc Mỹ cùng với chính sách bán nước, ăn cướp, đàn áp, khủng bố tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm đã và đang gây ra những hậu quả và tổn thất nặng nề, đau thương cho cách mạng và cho đồng bào ta ở miền Nam. Nhưng mặc dù Mỹ - Diệm đã sử dụng những thủ đoạn tàn ác, gian xảo và lừa bịp song chúng không thể lôi kéo, khuất phục được nhân dân miền Nam. Đông đảo các tầng lớp nhân dân ở miền Nam vẫn đấu tranh càng ngày càng quyết liệt phản đối chính sách đàn áp, khủng bố của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm.

Từ sự phân tích nêu trên Hội nghị đã xác định, sau năm 1954 mâu thuẫn chủ yếu, cơ bản, hàng đầu ở miền Nam là mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với bọn đế quốc Mỹ xâm lược và chế độ tay sai Ngô Đình Diệm. Mâu thuẫn này đã trở nên hết sức sâu sắc do chính sách đàn áp, khủng bố dã man của Mỹ - Diệm. Điều đó cho thấy đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm là yêu cầu khách quan của nhân dân miền Nam, của cách mạng miền Nam lúc này.

Từ đó Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ chế độ thống trị độc tài tay sai Ngô Đình Diệm, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Để thực hiện nhiệm vụ trước mắt, cấp bách của cách mạng miền Nam lúc này, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 đã xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường “Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân” [4, tr. 82].

Như vậy, Hội nghị trung ương lần thứ 15 đã chính thức quyết định cho phép nhân dân miền Nam sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng. Vì chế độ thống trị của Mỹ - Diệm dựa vào bạo lực phản cách mạng để tồn tại, cho nên nhân dân miền Nam không có con đường nào khác ngoài việc sử dụng bạo lực cách mạng để đập tan bạo lực phản cách mạng, giải phóng mình khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ khi nào nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng lật đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thì khi đó nhân dân miền Nam mới hết cảnh cùng khổ, mới xóa bỏ triệt để mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Đây không chỉ là quy luật của riêng cách mạng miền Nam mà là quy luật chung của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới.

Tuy nhiên, trong khi chủ trương phải sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng ở miền Nam, Trung ương Đảng vẫn không tuyệt đối hóa phương pháp bạo lực cách mạng, không cho rằng khả năng sử dụng phương pháp đấu tranh hòa bình đã chấm dứt. Quan điểm của Đảng là cách mạng ở miền Nam vẫn có khả năng hoà bình phát triển, tức là khả năng dần dần cải biến tình thế, dần dần thay đổi cục diện chính trị ở miền Nam có lợi cho cách mạng thông qua phương pháp đấu tranh hòa bình. Mặc dù khả năng đó là vô cùng thấp, nhưng không được gạt bỏ, mà cần ra sức tranh thủ trong mọi hoàn cảnh.

Từ sau tháng 7/1954 quan điểm nhất quán và

xuyên suốt của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng miền Nam là ưu tiên hàng đầu cho việc sử dụng phương pháp hòa bình để giải quyết vấn đề ở miền Nam. Nhưng vì đế quốc Mỹ quyết tâm xâm lược miền Nam, chúng sử dụng chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành những hành động bạo lực tàn độc nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng ở miền Nam, cho nên Đảng bắt buộc phải cho phép nhân dân miền Nam sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng để đánh đổ chế độ tay sai độc tài Mỹ - Diệm, đưa cách mạng miền Nam vượt ra khỏi tình thế hết sức khó khăn này.

Từ sự phân tích nêu trên, ta hoàn toàn có đủ cơ sở để kết luận rằng, chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959) về việc cho phép nhân dân Miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng, trong đó có bạo lực vũ trang để đấu tranh chống Mỹ-Diệm là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tiễn của miền Nam lúc bấy giờ. Tính đúng đắn của chủ trương này của Đảng biểu hiện:

Thứ nhất, nguyện vọng tha thiết của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta là hòa bình, thống nhất nước nhà và mong muốn thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, nhưng Mỹ - Diệm đã khước từ thiện chí hòa bình của Đảng, Chính phủ và của nhân dân ta. Với dã tâm xâm lược thống trị miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta Mỹ - Diệm đã ngang nhiên, trắng trợn vi phạm, phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tìm mọi cách mở rộng, kéo dài chiến tranh.

Thứ hai, từ sau tháng 7 năm 1954 cho đến tháng 1 năm 1959, trước những hoạt động đàn áp dã man của Mỹ - Diệm đối với đồng bào ta ở miền Nam, Đảng ta một mặt vẫn kiên quyết, kiên trì lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh bằng phương pháp hòa bình, mặt khác Đảng đã cố gắng đến mức tối đa thực hiện các hoạt động ngoại giao, nỗ lực ngăn chặn một cuộc chiến tranh mà Đảng và nhân dân ta không mong muốn xảy ra. Tuy nhiên, mọi nỗ lực ngoại giao của Đảng và chính phủ ta đều bị Mỹ - Diệm cự tuyệt.

Thứ ba, tháng 1/1959 Hội nghị trung ương lần thứ 15 của Đảng quyết định cho phép nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực vũ trang đánh Mỹ là giải pháp cuối cùng Đảng ta buộc phải lựa chọn khi giải pháp hòa bình đã hoàn toàn thất bại. Chủ trương này đã đáp ứng đúng yêu cầu khẩn thiết và nguyện vọng chính đáng của nhân dân miền Nam, nhân dân cả nước và được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới ủng hộ.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, chủ trương cho phép nhân dân miền Nam sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng của Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959) đã giải quyết đúng yêu cầu phải chuyển hướng từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang, từ đấu tranh bằng phương pháp hòa bình sang sử dụng bạo lực cách mạng của cách mạng miền Nam lúc bấy giờ. Chủ trương đó đã đáp ứng kịp thời đòi hỏi cấp bách của thực tiễn và nguyện vọng chính đáng của nhân dân miền Nam, phù hợp với tình thế cách mạng đã chín muồi, khi địch điên cuồng dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay đàn áp, giết hại cán bộ và nhân dân ta. Thực tiễn lịch sử đã cho thấy từ khi có Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 soi đường,

cách mạng miền Nam đã có bước phát triển hết sức mạnh mẽ, từ thế giữ gìn lực lượng cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo của cách mạng miền Nam. Có thể nói Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 của Đảng chính là một yếu tố quan trọng hàng đầu tạo cơ sở, nền tảng cho sự phát triển và tiến tới thắng lợi hoàn toàn của cách mạng miền Nam. Cho đến nay nếu ai đó vẫn còn cho rằng chủ trương sử dụng bạo lực cách mạng ở miền Nam của Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959) là sai lầm thì hoặc là do họ không tìm hiểu, nghiên cứu một cách nghiêm túc, khách quan về lịch sử hoặc là họ cố tình quay lưng lại với lịch sử, xuyên tạc lịch sử nhằm phục vụ cho một mưu đồ đen tối nào đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1996), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 – 1975, tập 2 – Chuyển chiến lược*, tr.178, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 16, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.